



Thứ ba, ngày 13 tháng 11 năm 2018

Vietnam Daily Review

Lực mua yếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/11/2018		•	
Tuần 12/11-16/11/2018		•	
Tháng 11/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động giảm ở phiên sáng, ở phiên chiều, chỉ số giảm.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm SAB (+0.92 điểm); BVH (+0.30 điểm); BHN (+0.10 điểm); GMD (+0.09 điểm); NVL (+0.05 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VIC (-2.58 điểm); MSN (-1.66 điểm); GAS (-1.61 điểm); BID (-1.27 điểm); VCB (-1.22 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu sản xuất kinh doanh và thủy sản, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2592.8 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 6.72 điểm. Thị trường có 99 mã tăng và 194 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 12.74 điểm, đóng cửa tại 905.38 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.9 điểm xuống 102.47 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 76.68 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (32.42 tỷ), SAB (22.23 tỷ) và VHC (15.80 tỷ). Tuy nhiên, họ đã mua ròng 3.4 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index giảm điểm với lực bán xuất hiện ở một số cổ phiếu bluechips: VIC, GAS, MSN, VNM và nhóm cổ phiếu ngân hàng: VCB, BID, TCB và CTG. Đến phiên chiều, chỉ số VN-Index vẫn giữ đà giảm so với phiên sáng. Lực mua ở 1 số cổ phiếu SAB, GMD, NVL và nhóm cổ phiếu bảo hiểm: BVH, BHN chưa đủ đỡ thị trường tránh khỏi phiên giảm mạnh. Khối ngoại tiếp tục bán ròng. Theo quan điểm BSC, trừ thị trường Trung Quốc, thì thị trường Việt Nam và các thị trường trong khu vực đều đồng loạt giảm điểm, mặc dù vậy thanh khoản thị trường hôm nay cải thiện hơn so với phiên hôm trước.

Phân tích kỹ thuật:

DRC_ Phục hồi ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 905.38

Giá trị: 2592.8 tỷ **-12.74 (-1.39%)**

Khối ngoại (ròng): -76.68 tỷ

HNX-INDEX 102.47

Giá trị: 481.81 tỷ **-0.9 (-0.87%)**

Khối ngoại (ròng): 3.4 tỷ

UPCOM-INDEX 51.46

Giá trị: 338.2 tỷ **-0.2 (-0.39%)**

Khối ngoại (ròng): -0.55 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	59.2	-1.17%
Giá vàng	1,203	0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,293	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,196	0.32%
Tỷ giá JPY/VND	20,412	-0.18%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	33.7	VIC	32.4
GMD	13.5	SAB	22.2
HPG	12.5	VHC	15.8
VHM	4.5	HDB	10.5
DXG	2.6	MSN	9.8

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường Trang 1

Phân tích kỹ thuật Trang 2

Danh mục khuyến nghị Trang 3

Cổ phiếu lớn Trang 4

Thống kê thị trường Trang 5

Báo cáo mới nhất Trang 6

Khuyến cáo sử dụng Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

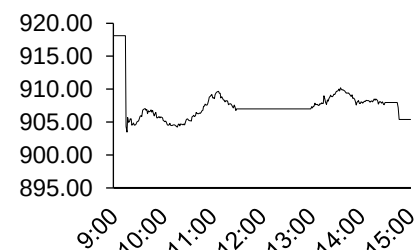
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
PVS	3.7	18.7	15	20	NGỪNG MUA	Tăng giá trong dài hạn
TNG	3.6	19.7	17	20	MUA	Tăng giá kéo dài
ACB	3.4	28.3	28	31	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
SBT	3.2	22.4	20	23	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
GMD	2.9	29.2	24	29	MUA	Tăng giá kéo dài
VPB	2.8	20.2	20	22	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
BID	2.8	31.0	28	34	NGỪNG MUA	Điều chỉnh trong trung hạn
HDB	2.7	30.0	29	40	NGỪNG BÁN	Hồi phục trong ngắn hạn
STB	2.6	12.0	12	13	NGỪNG MUA	Điều chỉnh trong trung hạn
MBB	2.5	20.6	20	22	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

Lê Quốc Trung

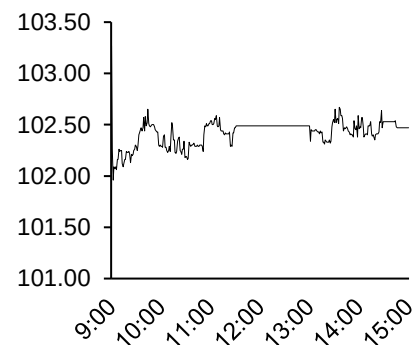
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1811	872.8	-1.4%	9.0%
VN30F1812	869.0	-1.5%	106.7%
VN30F1903	870.5	-1.3%	-7.9%
VN30F1906	874.5	-0.9%	-4.8%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SAB	238	2.0	0.7
GMD	29	3.7	0.4
NVL	71	0.3	0.1
DPM	19	1.4	0.1
BMP	56	-0.2	0.0

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	79	-6	-3.8
VIC	93	-3	-2.6
HPG	37	-2	-1.3
VRE	30	-2	-1.2
MWG	108	-2	-0.8

Phân tích kỹ thuật

DRC_ Phục hồi ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá trung hạn, phục hồi ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Duy trì dưới mức 0
- Chỉ báo RSI: Chạm Bollinger trên
- MA: MA20 nằm dưới MA50 và MA100

Nhận định: DRC là cổ phiếu thuộc ngành Cao su đang trong xu hướng giảm giá trung hạn, phục hồi ngắn hạn. Chỉ báo RSI vừa chạm kênh Bollinger trên, chỉ báo MACD tiếp tục duy trì dưới mức 0. Đường MA20 nằm phía dưới MA50 và MA100 cho xu hướng giảm giá trung hạn. Hai mức cản ngắn hạn được xác định tại mức giá 20.7 và 22.9. Trong phiên hôm nay, giá cổ phiếu đã tạo thành 1 cây nến Engulfing tăng, tuy nhiên khối lượng giao dịch lại giảm đáng kể so sánh với khối lượng của ngọn nến Engulfing tăng gần nhất cho thấy lực mua vẫn còn yếu. Nếu giá DRC phá qua vùng cản dưới 20.7, nhiều khả năng DRC sẽ tiếp tục giảm giá trong trung hạn.

Created with Amibroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	30.95	-5.4%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.15	4.4%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	60.00	-6.3%	58.9	73.6
Trung bình					-2.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	20.55	48.9%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	36.90	44.9%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	55.90	33.4%	39.8	60.0
Trung bình					42.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	16.5	48.6%	17.0	22.7
2	TCB	31/10/2018	26.9	25.8	-4.3%	25.0	30.0
Trung bình					22.2%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	107.7	-2.1%	0.7	1,512	1.5	8,641	12.5	4.3	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	93.5	-1.6%	1.0	659	0.9	5,428	17.2	4.5	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	99.0	1.4%	1.3	3,017	0.3	1,728	57.3	4.8	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	31.8	0.0%	0.8	320	0.0	2,265	14.0	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	93.3	-2.7%	1.0	12,947	2.5	1,366	68.3	5.4	9.7%	10.3%	
VRE	Bất động sản	30.2	-2.3%	1.1	3,058	1.2	646	46.8	2.7	31.5%	5.7%	
NVL	Bất động sản	70.9	0.3%	0.8	2,797	0.5	2,368	29.9	3.7	7.8%	14.2%	
REE	Bất động sản	31.0	-0.6%	1.1	417	0.2	5,068	6.1	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	25.0	1.4%	1.5	380	1.5	3,042	8.2	1.9	47.2%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	27.9	-1.6%	1.4	604	1.5	2,899	9.6	1.5	57.7%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	52.3	-2.2%	1.0	371	0.0	4,289	12.2	2.8	41.4%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	55.9	-1.1%	1.4	315	0.3	6,094	9.2	2.4	62.0%	27.8%	
FPT	Công nghệ	41.7	-0.7%	0.9	1,111	0.8	5,322	7.8	2.2	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	51.5	0.0%	0.4	506	0.0	3,453	14.9	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	93.9	-2.8%	1.5	7,814	1.8	6,473	14.5	4.2	3.5%	30.6%	
PLX	Dầu khí	56.5	-2.2%	1.5	2,847	0.8	3,285	17.2	3.3	11.0%	19.5%	
PVS	Dầu khí	18.7	-1.1%	1.8	389	3.7	1,747	10.7	0.8	20.6%	7.8%	
BSR	Dầu khí	15.4	-3.8%	0.8	2,076	0.9	#N/A	N/A	N/A	N/A	35.0%	23.0%
DHG	Dược	82.0	-3.2%	0.5	466	0.4	4,037	20.3	3.7	49.1%	18.3%	
DPM	Hóa chất	18.7	1.4%	0.9	318	0.3	1,492	12.5	0.9	21.1%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.5	-0.5%	0.7	219	0.1	997	9.5	0.8	4.0%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	53.6	-1.8%	1.3	8,384	1.4	3,360	16.0	3.1	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	31.0	-3.7%	1.7	4,608	2.8	2,401	12.9	2.1	2.7%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	22.0	-2.0%	1.6	3,562	3.2	2,064	10.7	1.2	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	20.2	-1.2%	1.2	2,158	2.8	2,820	7.2	1.6	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	20.6	-1.2%	1.2	1,930	2.5	2,366	8.7	1.4	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	28.3	-1.4%	1.2	1,535	3.4	3,498	8.1	1.8	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	56.0	-0.2%	0.9	199	0.1	5,586	10.0	1.8	77.4%	18.5%	
NTP	Nhựa	41.5	-1.2%	0.5	161	0.0	3,938	10.5	1.7	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	20.8	-0.5%	1.2	813	0.0	229	90.9	1.6	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	36.9	-1.7%	0.9	3,407	8.7	4,334	8.5	2.0	39.6%	26.7%	
HSG	Thép	7.9	-2.0%	1.4	133	1.1	1,065	7.5	0.6	17.4%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	116.0	-0.9%	0.6	8,783	2.4	4,997	23.2	7.9	58.8%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	237.6	2.0%	0.8	6,625	0.5	6,902	34.4	9.2	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	79.0	-5.5%	1.2	3,995	2.0	5,416	14.6	4.7	40.3%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	22.4	-0.9%	0.7	481	3.2	869	25.7	1.8	9.9%	11.3%	
ACV	Vận tải	81.9	-0.8%	0.8	7,752	0.4	1,883	43.5	6.5	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	128.0	-0.9%	1.1	3,014	1.9	9,463	13.5	6.5	23.9%	67.1%	
HVN	Vận tải	32.0	-2.7%	1.7	1,736	1.4	1,727	18.5	2.6	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	29.2	3.7%	0.9	377	2.9	6,311	4.6	1.5	46.3%	30.8%	
PVT	Vận tải	16.5	-2.7%	0.8	202	0.1	2,165	7.6	1.2	34.3%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	72.9	-2.5%	1.0	507	1.2	5,620	13.0	4.1	2.6%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	15.5	-3.1%	0.9	302	0.7	1,179	13.1	1.1	24.7%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.2	0.4%	0.8	218	0.1	1,599	8.2	1.0	5.0%	12.2%	
CTD	Xây dựng	145.0	-1.8%	0.8	493	0.4	20,202	7.2	1.4	44.4%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.4	-2.1%	1.3	353	1.6	2,384	7.7	1.2	10.8%	17.6%	
CII	Xây dựng	25.0	-1.0%	0.6	265	0.4	332	75.1	1.2	54.5%	1.7%	
POW	Điện	13.8	-0.7%	0.6	1,405	0.3	1,026	13.5	1.2	71.9%	9.1%	
NT2	Điện	25.3	-1.6%	0.6	317	0.0	2,874	8.8	2.0	21.7%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	237.60	1.97	0.92	49110.00
BVH	99.00	1.43	0.31	60710.00
BHN	85.00	1.80	0.11	590.00
GMD	29.20	3.73	0.10	2.30MLN
NVL	70.90	0.28	0.06	164260.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNG	19.70	8.84	0.06	4.32MLN
OCH	6.50	4.84	0.03	300.00
PTI	16.50	6.45	0.02	100.00
KLF	2.10	5.00	0.02	1.44MLN
VNR	22.00	4.76	0.01	16400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	93.30	-2.71	-2.59	598800.00
MSN	79.00	-5.50	-1.67	576150.00
GAS	93.90	-2.80	-1.61	438310.00
BID	31.00	-3.73	-1.28	2.05MLN
VCB	53.60	-1.83	-1.12	601520.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.30	-1.39	-0.50	2.75MLN
SHB	7.40	-1.33	-0.11	2.74MLN
VGC	15.50	-3.13	-0.10	1.08MLN
VCS	72.90	-2.54	-0.06	366600.00
PVS	18.70	-1.06	-0.05	4.56MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMX	16.05	7.00	0.00	292620.00
HTN	29.90	6.98	0.02	256400.00
TVT	23.80	6.97	0.01	46680.00
PDN	64.50	6.97	0.02	1330.00
NAV	7.40	6.94	0.00	500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.70	16.67	0.00	99400.00
DCS	1.00	11.11	0.01	53200.00
ARM	51.70	10.00	0.00	100.00
MPT	4.40	10.00	0.00	654000.00
VTs	11.00	10.00	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TMT	9.30	-7.00	-0.01	2020.00
VSI	22.60	-7.00	-0.01	3680.00
UDC	5.19	-6.99	0.00	45310.00
DRL	50.90	-6.95	-0.01	15790.00
TGG	6.84	-6.94	0.00	489080.00

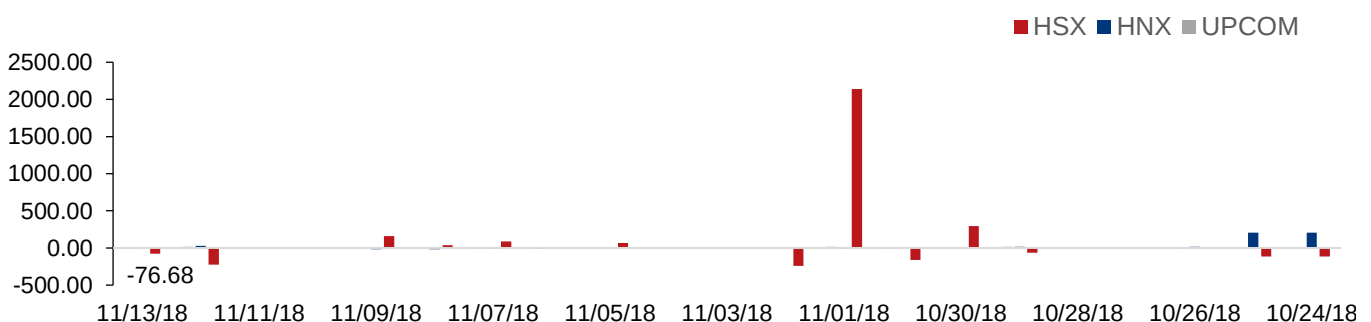
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.70	-12.50	0.00	233100.00
CMS	5.50	-9.84	-0.01	1700.00
BTW	12.00	-9.77	0.00	100.00
MEC	2.90	-9.38	0.00	1000.00
APP	7.80	-9.30	0.00	1000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.1	157	96.0	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.3	2,874	8.8	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.4	1,102	12.1	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	27.0	-2,092	#N/A	2.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	28.3	3,498	8.1	1.8	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.2	5,746	7.0	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	14.3	1,087	13.1	1.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.5	2,165	7.6	1.2	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	36.9	4,334	8.5	2.0	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	25.0	3,042	8.2	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	19.7	3,200	6.2	1.3	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	30.1	5,796	5.2	1.7	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	41.7	5,322	7.8	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	53.6	3,360	16.0	3.1	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	18.7	1,747	10.7	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	20.6	2,366	8.7	1.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	145.0	20,202	7.2	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.4	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	86.7	18,132	4.8	1.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	93.5	5,428	17.2	4.5	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

